TÒA ÁN NHÂN DÂN **KHU VỰC 14 – CẦN THƠ**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập – Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 47/2026/HNGĐ-ST
Ngày: 12/02/2026
V/v tranh chấp ly hôn.

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN KHU VỰC 14 – CẦN THƠ

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:
Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Nguyễn Văn Đua
Các Hội thẩm nhân dân:
1. Ông Trần Văn Thanh
2. Ông Nguyễn Văn Hóa

***- Thư ký phiên tòa*:** Bà Võ Bích Trăm – Là Thư ký Tòa án nhân dân khu vực 14 – Cần Thơ.

Ngày 12 tháng 02 năm 2026, tại trụ sở Toà án nhân dân khu vực 14 – Cần Thơ xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 26/TLST-HNGĐ ngày 02 tháng 10 năm 2025 về việc tranh chấp ly hôn theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 07/2026/QĐXXST-HNGĐ ngày 09 tháng 01 năm 2026, Quyết định hoãn phiên tòa số 13A/2026/QĐ-HNGĐ ngày 26 tháng 01 năm 2026 giữa các đương sự:

1/- Nguyên đơn: Huỳnh Thị N, sinh năm 1972
Địa chỉ: Ấp P, xã P, thành phố Cần Thơ. (vắng mặt tại phiên tòa)
2/- Bị đơn: Nguyễn Quốc Đ, sinh năm 1977
Địa chỉ: Ấp P, xã P, thành phố Cần Thơ. (vắng mặt tại phiên tòa)

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn xin ly hôn ngày 06/8/2025, bản tự khai ngày 06/8/2025 nguyên đơn chị Huỳnh Thị N trình bày: Chị và anh Nguyễn Quốc Đ tự nguyện kết hôn vào năm 2008. Sau khi kết hôn chị và anh Đ tổ chức cuộc sống ở ấp P, xã P, thành phố Cần Thơ. Quá trình sống chung hạnh phúc được một thời gian thì phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân do anh Đ có mối quan hệ bên ngoài, không chăm lo cho gia đình nên cuộc sống hôn nhân xảy ra rất nhiều mâu thuẫn, bất đồng quan điểm, cả hai không tìm được tiếng nói chung, mâu thuẫn ngày thêm trầm trọng nên đã

ly thân từ năm 2020 đến nay. Nhận thấy không thể sống chung với nhau được nữa nên chị làm đơn xin được ly hôn với anh Nguyễn Quốc Đ.

Về con chung: Chị và anh Đ có 01 (một) con chung cháu tên là Nguyễn Thị Ngọc H, sinh ngày 02 tháng 4 năm 2001. Hiện nay cháu H đã đủ 18 tuổi nên không yêu cầu giải quyết.

Về tài sản chung: Không có

Về nợ chung: Không có.

Chị N có yêu cầu xét xử vắng mặt.

Bị đơn anh Nguyễn Quốc Đ vắng mặt nên không có lời trình bày.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh tụng, tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về thẩm quyền: Chị Huỳnh Thị N và anh Nguyễn Quốc Đ do phát sinh mâu thuẫn trong đời sống hôn nhân và gia đình mà không thể hàn gắn tình cảm được với nhau nên chị N yêu cầu Tòa án giải quyết cho chị được ly hôn với anh Nguyễn Quốc Đ. Hội đồng xét xử xác định quan hệ pháp luật trong vụ án là ly hôn được quy định tại khoản 1 Điều 28, Điều 35, Điều 39 của Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015 thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân khu vực 14 – Cần Thơ.

[2] Xét về thủ tục tố tụng: Chị Huỳnh Thị N đã thực hiện đầy đủ các nghĩa vụ cung cấp và giao nộp chứng cứ theo quy định của pháp luật và có yêu cầu xét xử vắng mặt nên Hội đồng xét xử căn cứ Điều 227 của Bộ luật tố tụng dân sự xét xử vắng mặt chị N. Đối với anh Nguyễn Quốc Đ được Tòa án triệu tập hợp lệ nhiều lần nhưng vẫn vắng mặt không có lý do nên Hội đồng xét xử căn cứ Điều 228 của Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015 xét xử vắng mặt anh Đ.

[3] Về nội dung vụ án:

[3.1] Xét yêu cầu ly hôn của chị Huỳnh Thị N: Hội đồng xét xử nhận thấy quan hệ hôn nhân giữa chị Huỳnh Thị N và anh Nguyễn Quốc Đ là quan hệ hôn nhân hợp pháp được pháp luật công nhận thể hiện tại giấy chứng nhận đăng ký kết hôn số 113/TP ngày 28/5/2008 do Ủy ban nhân dân xã P, huyện C, tỉnh Hậu Giang cấp cho chị N và anh Đ. Tuy nhiên, quá trình chung sống do vợ bất đồng quan điểm trầm trọng, thường xuyên cãi nhau không thể sống chung với nhau nên đã ly thân từ năm 2020 đến nay. Điều này chứng minh đời sống chung của vợ

chồng không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được nên Hội đồng xét xử căn cứ vào Điều 56 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014 chấp nhận cho chị Huỳnh Thị N được ly hôn với anh Nguyễn Quốc Đ. Do quan hệ hôn nhân giữa chị N và anh Đ không còn tồn tại nên Hội đồng xét xử xác định Giấy chứng nhận kết hôn số: 113/TP ngày 28/5/2008 do Ủy ban nhân dân xã P, huyện C, tỉnh Hậu Giang cấp cho chị N và anh Đ không còn giá trị pháp lý.

[3.2] Về con chung: Hội đồng xét xử nhận thấy chị Huỳnh Thị N và anh Nguyễn Quốc Đ sống chung với nhau có 01 (một) con chung cháu tên là Nguyễn Thị Ngọc H, sinh ngày 02 tháng 4 năm 2001. Hiện nay cháu H đã đủ 18 tuổi nên Hội đồng ét xử không đặt ra xem xét.

[3.3] Về tài sản chung: Chị N khai không có nên Hội đồng xét xử không đặt ra xem xét.

[3.4] Về nợ chung: Chị N khai không có nên Hội đồng xét xử không đặt ra xem xét.

[4] Về án phí: Án phí hôn nhân gia đình sơ thẩm chị Huỳnh Thị N phải chịu án phí hôn nhân gia đình sơ thẩm là 300.000 đồng.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào khoản 1 Điều 28, Điều 35, Điều 39, khoản 4 Điều 147, Điều 271, Điều 273 của Bộ luật tố tụng dân sự;

Căn cứ vào Điều 56 của Luật hôn nhân và gia đình;

Căn cứ vào điểm a khoản 5 Điều 27 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội.

Tuyên xử: Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của chị Huỳnh Thị N.

1. Về quan hệ hôn nhân: Chấp nhận cho chị Huỳnh Thị N được ly hôn với anh Nguyễn Quốc Đ.

Giấy chứng nhận kết hôn số 113/TP ngày 28 tháng 5 năm 2008 của Ủy ban nhân dân xã P, huyện C, tỉnh Hậu Giang cấp cho chị Huỳnh Thị N và anh Nguyễn Quốc Đ không còn giá trị pháp lý.

2. Về con chung: Con của chị Huỳnh Thị N và anh Nguyễn Quốc Đ đã trưởng thành nên Hội đồng xét xử không đặt ra xem xét.

3. Về tài sản chung: Chị Huỳnh Thị N khai không có nên Hội đồng xét xử không đặt ra xem xét.

4. Về nợ chung: Chị Huỳnh Thị N khai không có nên Hội đồng xét xử không đặt ra xem xét.

5. Về án phí hôn nhân gia đình sơ thẩm chị Huỳnh Thị N phải chịu án phí hôn nhân gia đình sơ thẩm là 300.000 đồng (ba trăm nghìn đồng). Chuyển 300.000 đồng (ba trăm nghìn đồng) tiền tạm ứng án phí chị N đã nộp theo biên lai số 0004007 ngày 02/10/2025 của Thi hành án dân sự thành phố Cần Thơ (Phòng Thi hành án dân sự khu vực 14 – Cần Thơ) thành án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm (Chị N đã nộp xong).

6. Về quyền kháng cáo: Chị Huỳnh Thị N và anh Nguyễn Quốc Đ vắng mặt tại phiên tòa được quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hợp lệ hoặc bản án được niêm yết công khai theo quy định của pháp luật.

7. Trường hợp Bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, Điều 7, Điều 7a và Điều 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Nơi nhận:
- TAND tp. Cần Thơ;
- VKSND Khu vực 14 – Cần Thơ;
- UBND xã Phú Hữu, tp. Cần Thơ;
- Đương sự;
- Lưu hồ sơ vụ án.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TOÀ
(Đã ký)

Nguyễn Văn Đua